

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH SỚ

QUYỂN 43

Đoạn thứ chín: THIÊN TUỆ ĐỊA

Đầu là nguyên cố đưa ra: Ý của luận Du Già nói: “Trước tuy rời bỏ công dụng ở trong Vô tướng Trú, cũng có thể tự tại đối với tướng, mà chưa có thể đạt được Đại tự tại ở trong tất cả phẩm loại tuyên thuyết về pháp sai biệt, giải thích nghĩa từ của các tướng với tên gọi khác nhau, vì khiến cho phần này được viên mãn, cho nên tiếp theo có phần này đưa ra.”

Nói về Thiên Tuệ, luận Nhiếp Đại Thừa nói: “Bởi vì đạt được Trí vô ngại tối thắng.”

Vô Tánh giải thích rằng: “Nghĩa là đạt được bốn Vô ngại giải tối thắng, Trí vô ngại giải là Trí thù thắng nhất ở trong các Trí, tức là Tuệ cho nên gọi là Thiên Tuệ.” Chính là mười loại về bốn Vô ngại ở trong văn sau.

Luận Trang Nghiêm nói: “Ở trong Địa thứ chín, bốn Vô ngại Tuệ là thù thắng nhất. Vì sao thù thắng? Bởi vì ở trong một sát-na, tất cả trời-người khắp Tam thiên thế giới, dùng chủng loại khác nhau-âm thanh khác nhau-ý nghĩa khác nhau để thưa hỏi, thì Bồ-tát này có thể dùng một âm thanh giải đáp tất cả các câu hỏi, mà đoạn trừ tất cả mọi nghi ngờ.” Điều này giống với văn sau.

Kinh Kim Quang Minh nói: “Thuyết pháp tự tại không có gì lo sợ, bởi vì Trí tuệ tăng trưởng tự tại vô ngại.” Đây là bao gồm hiển bày về lìa xa chướng gọi là thù thắng, ý trong kinh Giải Thâm Mật cũng giống như điều này.

Phẩm Trú trong luận Du Già, luận Thập Trú, luận Thành Duy Thức..., văn từ khác nhau về chi tiết mà ý nghĩa không có gì khác nhau.

Kinh Nhân Vương gọi là Tuệ Quang, là nói bao gồm Pháp-Dụ. Trí

Luận gọi là Thiện Tướng, là thuận theo pháp đã hiểu rõ mà mang lấy tên gọi, bởi vì chủ động-thụ động tuy khác nhau, mà đều trình bày về Tuệ thuyết pháp.

Chượng đã lia xa, là lia xa chượng về không mong muốn thực hành trong Lợi tha, bởi vì có bốn Biện giải. Chượng của bốn Vô ngại phân thành hai Ngu: 1- Ba loại trước làm một, gọi là Ngu về Đà-la-ni tự tại đối với vô lượng pháp đã thuyết giảng, vô lượng Danh-Cú-Tự, những Tuệ biện về sau, nghĩa là pháp đã thuyết giảng là Nghĩa, Danh-Cú-Tự là Pháp, những Tuệ biện về sau là Từ, Ngu về Đà-la-ni tự tại là bao gồm ba loại trên. 2- Ngu về Biện tài tự tại, tức là Ngu về Vô ngại thứ tư, Chân Như đã chứng gọi là chỗ dựa tự tại của Trí, nghĩa là nếu chứng được Chân Như này, đã đạt được tự tại đối với Vô ngại giải, thì hạnh thuyết pháp tự tại thành tựu pháp khí khéo léo thông đạt.

Lương Nhiếp Luận nói: “Bởi vì thông hiểu về Chân Như bậc Thượng, cho nên đạt được quả của Ứng thân.”

Trong kinh Kim Quang Minh nói là đạt được Tam-muội Trí Tạng, đều là một nghĩa mà thôi.

Tiếp là chính thức giải thích văn, nội dung có ba phần:

Trong phần một là ca ngợi thừa thỉnh, có mười ba kệ phân ba: Đầu là hai kệ, Như Lai hiện tướng hiển bày thuyết giảng về Hạnh không có công dụng, bởi vì động mà không động khó nghĩ bàn, cho nên chỉ hiện bày thần thông ở Địa này; tiếp là mười kệ riêng biệt ca ngợi; sau là một kệ kết thúc thừa thỉnh.

Trong riêng biệt ca ngợi, cũng có ba: 1- Có một kệ về Bồ-tát cúng dường; 2- Có một kệ về Thiên Vương cúng dường; 3- Có tám kệ về Thiên Nữ cúng dường ca ngợi.

Trong tám kệ có hai: Một kệ đầu là cúng dường, bảy kệ còn lại là ca ngợi.

Trong bảy kệ về ca ngợi, có hai: Đầu là một kệ nêu lên ca ngợi, sau là sáu kệ hiển bày về ngôn từ ca ngợi.

Trong sáu kệ sau cũng có hai: Hai kệ đầu là ca ngợi Bồ-tát bao gồm Địa thứ tám, và vị chủ thuyết pháp; bốn kệ sau là cùng ca ngợi về lợi ích thuộc ba Luân giáo hóa của Phật và Bồ-tát. Ở đây lại nói là Huyền Trí của Bồ-tát, sau kết luận rằng: Ca ngợi Đức Phật xong. Trong văn bao gồm ca ngợi về Địa thứ tám-thứ chín, bởi vì có ở Địa trước như vầng trăng hiện rõ khắp nơi, phần vị Pháp Sư này tùy theo căn cơ mà thuyết giảng về Quyền-Thật. Trong văn có ba: Một kệ đầu là thân không có tâm mà ứng với khắp nơi; hai kệ tiếp là miệng tùy theo căn

cơ mà thuyết giảng; một kệ sau là Dụ kết luận trong tâm luôn luôn phù hợp. Đã đặc biệt nói là tâm thuộc về Trí tối thắng thị hiện pháp của Như Lai, thì Quyển-Thật sáng tỏ rồi. Vì vật trong kinh Anh Lạc nói về mười loại thiện, chín loại trước dựa vào người Tam thừa đều thành tựu về Tam thừa, loại thứ mười gọi là chủng tánh của Phật thừa, nghĩa là ban đầu nghe đến pháp của Phật liền phát tâm Phật, chỉ quán sát về Như Như mà tu tập Trí tuệ của Phật, cuối cùng không vì tâm ràng buộc Bi nguyện, luôn luôn không khởi lên tác ý của Nhị thừa. Bởi vì loại thứ chín là tâm ràng buộc Bi nguyện, ở đây nói là Từ Bi vui thích làm nhiều lợi ích. Văn rõ ràng như vậy, vì sao không tin?

Trong phần hai là chính thức thuyết giảng, phân hai: Trước là trình bày về Hạnh của Địa; sau là trình bày về Quả của Địa.

Phần trước là trình bày về Hạnh của Địa, văn có bốn phần: 1- Thành tựu phương tiện của Pháp Sư, nghĩa là Địa này có thể phát khởi Biện tài thuyết pháp, gọi là Địa của Pháp Sư, hướng về Hạnh của Địa mà thiết lập tên gọi Phương Tiện. 2- Thành tựu về Trí, bởi vì đầy đủ Trí tuệ có thể nhận biết về pháp. 3- Thành tựu về Hạnh tiến vào, bởi vì thông hiểu về tâm hành-khí chất của chúng sinh đã giáo hóa. 4- Thành tựu về Thuyết giảng, bởi vì phù hợp căn cơ mà đích thực truyền trao.

Trong bốn phần: Một phần đầu là tâm tiến vào, phần còn lại đều là tâm trú vào, cũng thâm nhiếp ba phần vị, về sau sẽ biết. Nhưng trong Địa thứ tám chỉ làm thanh tịnh quốc độ của Phật mà giáo hóa chúng sinh; Địa thứ chín này, bởi vì Lực của Biện tài mà giáo hóa chúng sinh, bởi vì thành tựu tất cả các tướng mà có thể giáo hóa. Tất cả các tướng là bởi vì đầy đủ bốn phần trên.

Trong phần 1- Thành tựu phương tiện của Pháp Sư, có ba: a- Nhắc lại phần trước phát khởi phần sau, bởi vì trước đây đạt được Trí về hai Đế...; b-Từ “Dục cánh...” trở xuống là chính thức hiển bày về phương tiện; c- Từ “Đắc nhập...” trở xuống là kết luận về Hạnh tiến vào Địa.

Trong phần b là chính thức hiển bày về phương tiện, văn có mười câu, không lìa xa Tự lợi-Lợi tha, Luận nói: Câu một-một-năm-ba nêu ra rõ ràng, một câu đầu nói về Lợi tha, một câu tiếp nói về Tự lợi, cho nên nói là một-một; năm câu tiếp nói về Lợi tha, ba câu sau nói về Tự lợi, cho nên nói là năm-ba. Nói nêu ra rõ ràng là bao gồm bốn phần trên.

Câu 1- Dựa vào Tướng về Vô sắc đạt được giải thoát, mà có thể giáo hóa chúng sinh, làm lợi ích cho người khác, giáo hóa họ khiến cho đạt được Đại Bát Niết-bàn, cho nên nói là càng thêm thù thắng. Luận chủ nói là Bồ-tát không mong cầu tự mình diệt độ, cho nên đưa ra cách

giải thích này; nhưng Kinh đã nói là trải qua mong cầu tịch diệt, thì đâu trở ngại tự mình mong cầu? Bởi vì Địa thứ bảy-thứ tám-thứ chín cùng đạt được Vô sinh, Địa thứ tám đạt được Nhãn tịch diệt hiện rõ trước mắt, dựa vào khuyến khích phát khởi tu tập; Địa thứ chín này mong cầu Thượng phẩm, gọi là càng thêm thù thắng, ngay nơi Dụng mà Tịch vốn là giải thoát chân thật. Nếu dựa vào nghĩa này, thì hai câu trước là Tự lợi, cũng có thể mười câu đều bao gồm Tự lợi-Lợi tha, đối với Lý không có sai lầm, tạm thời dựa vào Luận để giải thích.

Câu 2- Dựa vào lợi ích của chính mình chưa đạt được kết quả cuối cùng, mà trở lại tu tập Trí tuệ của Như Lai.

Câu 3- Dựa vào lợi ích của Tam mật giáo hóa, Bồ-tát giáo hóa căn cơ thuần thực mà tiến vào cảnh giới bí mật của Như Lai.

Câu 4- Dựa vào Trí quán sát không thể nghĩ bàn, có thể giáo hóa chúng sinh tu hành tà niệm, khiến cho đạt được Chánh niệm, nghĩa là quán sát về Vô niệm mà thấy rõ tánh của Trí.

Câu 5- Dựa vào chúng sinh chưa biết về pháp mà chuyển pháp luân, khiến cho có thể nhận biết, bởi vì môn Tam-muội Đà-la-ni tịch tịnh, đều là chỗ dựa của thuyết pháp.

Câu 6- Dựa vào chúng sinh quy y tà giáo, thị hiện đầy đủ thần thông rộng lớn, mà khiến cho tiến vào Chánh pháp.

Câu 7- Dựa vào chúng sinh tin tưởng sinh lên cõi trời, mà khiến cho tiến vào Tịnh độ của Phật trong thế giới sai biệt.

Trong năm câu trên đây: Một là không có Chứng, hai là không có Hành, ba là không có Giải, hai câu sau là không có Tín. Trong ba câu sau là Tự lợi:

Câu 8- Dựa vào Trí đức thuộc về Nội chứng Chánh giác mà tu tập về Lực...

Câu 9- Dựa vào Ân đức thuộc về Ngoại hóa mà chuyển pháp luân.

Câu 10- Dựa vào Đoạn đức thuộc về Niết-bàn Vô trú.

Phần 2: Từ “Phật tử, Bồ-tát trú thử...” trở xuống là thành tựu về Trí. Hai phần 2-3 dưới đây là thâm nhiếp Vương Tử Trú, bởi vì nhận biết về pháp, nhận biết về căn đều là những chuẩn mực hóa độ của bậc Pháp Vương, mà lại dựa vào sự thành tựu của Trí.

Trong văn: a- Tổng quát nhận biết về ba tánh, nghĩa là Tịnh-Nhiễm không hai, không hai tức là Vô ký; b- Từ “Hữu lậu...” trở xuống là lần lượt chuyển tiếp riêng biệt tách ra.

1- Đối với pháp thanh tịnh, tách ra lậu-vô lậu, nghĩa là Thí-Giới...

giữ lấy tướng, tâm tu tập tương ứng với lậu, gọi là Hữu lậu; Vô lậu trái với điều này.

2- Đối với Vô lậu, tách ra từ Kiến đạo trở về trước gọi là thế gian, từ Kiến đạo trở đi gọi là xuất thế gian.

3- Tức là dựa vào hai loại trên, thế gian-xuất thế gian khác nhau gọi là có thể nghĩ bàn, ngay nơi thế gian-xuất thế gian gọi là không thể nghĩ bàn; cũng có thể ở trong xuất thế gian, dựa theo Giáo Đạo và Chứng Đạo.

4- Trong Hữu lậu có thể nghĩ bàn ấy, nhất định có thể chứng nhập, gọi đó là Định; bị duyên làm cho lay động, gọi là Bất định. Cũng có thể Phật tánh là Định, tất cả các pháp còn lại thấy đều Bất định. Ba Tự về Định-Bất định..., vẫn sau tự có giải thích.

5- Toàn bộ các thiện nói trên tách ra Tam thừa, nghĩa là Đế-Duyên-Độ... đều bao gồm bốn câu trên, chỉ riêng quả Phật như nhau là chỉ có Vô lậu..., mà thuộc về quả của Bồ-tát Thừa.

6- Ở trong pháp của Tam thừa nêu ra Hữu vi-Vô vi, bởi vì dựa vào Thuận Hành. Đây là Thể của thiện mà trình bày sau, nghĩa là Diệt đế duyên với Tánh, chân lý Niết-bàn đều gọi là Vô vi; Đạo đế duyên với Trí, có thể chứng tu mà khởi lên đều gọi là Hữu vi. Tất cả pháp của Như Lai đều là Trí Phật thuộc về Vô vi. Hữu vi không phải là pháp nói đến tận cùng (Cực thuyết), mà Niết-bàn khiến cho che phủ các tướng Hữu vi. Thánh nhân Tam thừa dựa vào đây mà khởi Hạnh. Dựa vào sai biệt này cho nên gọi là Thuận Hành.

Phần 3: Từ “Thử Bồ-tát dĩ như thị...” trở xuống là trình bày thành tựu về Hạnh tiến vào, trong này có ba: a- Tổng quát nêu lên Chương môn; b- Từ “Thử Bồ-tát như thật tri...” trở xuống là dựa vào Chương mở rộng giải thích; c- Từ “Phật tử, Bồ-tát tùy thuận...” trở xuống là tổng quát kết luận về an trú.

Phần a- Tổng quát nêu lên Chương môn, có mười một Lâm (rừng): Một- Tâm chúng sinh là tổng quát. Luận nói: Cùng dựa vào, bởi vì tất cả cùng dựa vào mười loại nhiễm-tịnh dưới đây. Bồ-tát dựa vào đây mà nhận biết, cho nên gọi là dựa vào. Sau dựa vào nghĩa này làm chuẩn. Mười loại còn lại là riêng biệt, mà không ra ngoài ba loại tạp nhiễm. Luận nói: Dựa vào phiền não-nghiệp-sinh, sinh là quả của khổ. Đây là loại thứ chín.

Luận giải thích bảy loại còn lại rằng: Dựa vào nhiễm-tịnh... cùng phiền não nhiễm, dựa vào thời gian nhất định-không nhất định, nghĩa là bốn loại tiếp theo như Căn... cùng là nghiệp, cho nên gọi là cùng. Tùy

miên tức là chủng tử của phiền não gọi là nhiễm, ngủ kín trong Tạng thức mà khiến cho tâm nhiễm ô. Thọ sinh tức là sinh, như trước đã nói. Hai loại còn lại bao gồm ba loại cho nên không ra ngoài ba loại. Hai loại bao gồm thế nào? Nghĩa là tập khí không có Thể riêng biệt, bởi vì đều là khí phần như nhiễm-tịnh..., ba Tụ chỉ là dựa theo thời gian nhất định-không nhất định.

Luận lại riêng biệt giải thích về nghĩa tương tự của Căn-Tín-Tánh-Dục rằng: Thứ tự như Căn... lại theo thời gian nhất định-không nhất định ấy, Căn... tương tự Tín..., bởi vì văn sau của Kinh dùng Căn ví dụ cho ba loại.

Ở đây trở lại giải thích về nghĩa tương tự, cũng cần phải dựa theo thời gian, cho nên nói là: Lại theo thời gian nhất định-không nhất định ấy. Dựa theo loại nào để luận về thời gian? Cũng dựa theo thứ tự của bốn loại như Căn... Thế nào là thứ tự? Nghĩa là tương tự như Căn... Tương tự như thế nào? Nghĩa là Tín..., như luyện tập từ trước gọi là Căn, duy trì phù hợp gọi là Giải (hiểu biết). Dựa vào Căn khởi lên Giải, cho nên nói là thứ tự. Giải nhất định phải giống như Căn, cho nên nói là tương tự. Luyện tập hiểu biết (Tập giải) trở thành Tánh, Tánh nhất định phải giống như Giải. Dựa vào Tánh khởi lên Dục (mong muốn), Dục lại giống như Tánh. Nếu lúc tương tự chưa thuần thực thì gọi là Bất định, thuần thực gọi là Chánh định, bởi vì hoàn toàn không có Tà định, thời gian dựa vào Căn... Luận về Kinh gọi là Giải làm Tín, bởi vì là Tín Giải.

Mười loại đều gọi là Trù Lâm (rừng rậm), bởi vì nhiều cho nên gọi là Lâm, khó nhận biết gọi là Trù. Luận về Kinh, thì mười Lâm đều có chữ Hành, bởi vì nói về nghĩa của Tín không đúng đắn, gọi là Trù Lâm như tâm hành...; tâm hành nếu bắt dứt thì Chứng Tín tròn vẹn sáng ngời, không phải là Hành thuộc về Trù Lâm. Nhưng mười tên gọi này phần nhiều như phẩm Phát Tâm biện giải, mà tập khí như nhau nói thông với hai nghĩa: 1- Tập khí còn sót lại; 2- Chủng tử huân tập. Như phần sau sẽ phân rõ.

Phần b là dựa vào Chương mở rộng giải thích, văn phân ra chín đoạn, bởi vì Giải-Tánh-Dục hợp làm một ví dụ.

Đoạn một: Trong tâm có ba, đó là tổng quát-riêng biệt và kết luận.

Trong riêng biệt sơ lược đưa ra mười môn, thâm nhiếp làm tám, bởi vì môn 2-3 hợp với hai môn sau.

1- Sai biệt về Tướng, bởi vì Tâm-Ý và Thức có sáu loại riêng biệt,

tám loại này duyên với cảnh có thể cùng dấy khởi, cho nên gọi là Tạp khởi. Vả lại, Tạp khởi thì nhất định phải đi cùng với nhau, bởi vì ít nhất vẫn có năm Biến hành.

2- Từ “Tốc chuyển...” trở xuống là hai câu trình bày về tướng của Hành. Bởi vì bốn tướng thay đổi, nhanh chóng tức là dừng lại (Trú), Thể dừng lại dễ dàng tan vỡ mà nhanh chóng dẫn đến thay đổi (Dị). Chuyển tức là Dị, Hoại tức là Diệt, Bất hoại là Sinh. Luận về Kinh chỉ có một câu, nói là tướng Sinh-Bất sinh dễ dàng thay đổi, mà Luận nói là hành Trú-Dị-Sinh-Diệt.

3- Không có hình chất, là quán sát về tướng Đệ nhất nghĩa mà tâm ấy lìa xa tâm. Vì sao lìa xa? Nghĩa là bởi vì tâm-thân không thể đạt được. Thân là Thể, nghĩa về tụ tập nương tựa, tức là giống như Thể của tâm lìa xa niệm... trong luận Khởi Tín.

4- Không có giới hạn, tức là Tự tướng thuận theo hành giữ lấy vô lượng cảnh giới, bởi vì giữ lấy cảnh không giống nhau cho nên gọi là Tự.

Bốn tướng trên đây: Một là tướng thuộc về thụ động, hai là tướng thuộc về chủ động. Hai môn này đều là Tướng của tâm. Ba là tánh Không của tâm, tánh-tướng không giống nhau hợp lại làm Thể của tâm. Bốn tức là Dụng của tâm. Bốn môn này đều bao gồm nhiễm-tịnh. Bốn môn sau trình bày về tâm thanh tịnh tùy theo duyên, bởi vì môn 5 duyên theo phiền não mà thành môn 6-7, duyên theo nghiệp sinh mà thành môn 8.

5- Thanh tịnh, là tướng thuộc về tự tánh không nhiễm, tức là Thánh trí tự giác ngộ làm chỗ dựa của Chân-Vọng mà tánh không trống rỗng, nhiễm mà không nhiễm gọi là tự tánh thanh tịnh. Tiếp hai câu sau tức là không nhiễm mà nhiễm.

6- Cấu nhiễm và không cấu nhiễm, tức là phiền não giống nhau-phiền não không giống nhau, tướng tùy theo duyên có cấu nhiễm mà tánh luôn luôn lìa xa.

7- Ràng buộc và không trói buộc, Sử giống nhau-Sử không giống nhau, nghĩa về tướng không khác nhau, trước chỉ là chủng tử-hiện hành có sai khác mà thôi.

8- Có hai câu, cùng gọi là tướng của nhân, bởi vì tùy theo nhân mà thọ sinh. Bồ-tát dùng Nguyên lực của Huyền Trí mà sinh, chúng sinh khác tùy nghiệp mà sinh vào các nẻo.

Đoạn hai: Giải thích về Trù Lâm của phiền não, cũng có ba: Tổng quát-riêng biệt và kết luận. Trong riêng biệt có chín câu thâu nhiếp làm

ba loại, bởi vì bảy câu sau hợp lại.

1- Bởi vì tướng tiến vào xa cho đến Hữu Đảnh. Đây là dựa theo bốn trụ hiện hành, sau đến Kim Cang là tự dựa theo chủng tử mà nói. Lâu xa là bởi vì từ vô thủy luôn luôn tùy theo.

2- Vô biên dẫn dắt phát khởi là tướng khó nhận biết. Nói vô biên, là bởi vì tu tập vô lượng thiện căn. Dẫn dắt phát khởi là bởi vì dẫn dắt phát khởi phiền não, phiền não đi cùng với thiện cho nên khó nhận biết. Phiền não trên đây tức là trong kinh Thắng Man nói Hằng hà sa... Trên đây trình bày về sáu xa dựa theo thời gian (Thụ), ở đây phân rõ về rộng lớn dựa theo không gian (Hoành).

3- Từ “Câu sinh...” trở xuống có bảy câu, hợp lại làm tướng nhiễm, tức là ba loại tạp nhiễm, nghĩa là phiền não này cũng cùng với nghiệp-sinh, cả hai cùng dấy khởi. Dựa theo phân làm ba:

Đầu là ba câu ngay nơi Thế trình bày về phiền não nhiễm: Câu một-Câu sinh không lìa xa, là trình bày tùy theo những ràng buộc. Câu này là tổng quát trình bày về chủ động-thụ động. Thụ động ràng buộc tức là Vọng tâm, nghĩa là phiền não lần lượt cùng đồng sự với Vọng tâm, cho nên nói là Câu sinh, Sinh tức là Sự. Nhưng lìa xa phiền não không gọi là Vọng tâm, bởi vì lìa xa tâm thì phiền não dựa vào đâu mà tồn tại? Lần lượt cùng dựa vào nhau, gọi là không rời bỏ. Câu hai-Miên và Khởi cùng một nghĩa, thì vì sao ràng buộc? Nghĩa là Sử làm chủ động ràng buộc, Sử tức là Tùy miên, Khởi tức là hiện hành. Hiện hành do Sử mà không được giải thoát, bởi vì hiện hành và chủng tử cùng chung một nghĩa về phiền não. Nhưng sau phân rõ về Sử không nhất định phải đi cùng với hiện hành, trong này hiện hành nhất định phải do Sử; như có chủng tử chưa hẳn là có mầm, nếu đã có mầm thì nhất định phải dựa vào chủng tử, cho nên nói là cùng một nghĩa. Câu ba-Tương ứng và không tương ứng với tâm, là Sự thụ động ràng buộc, Sự tức là Chân tâm. Nếu bị vọng nhiễm thì gọi là tương ứng với tâm, là ràng buộc không phải là giải thoát; tâm tánh thanh tịnh cho nên gọi là không tương ứng, rõ ràng có thể giải thoát.

Tiếp từ “Tùy thú...” trở xuống có hai câu, dựa theo Sinh trình bày về phiền não nhiễm. Luận nói: Bởi vì Thân Sự Sinh là nhân của Đạo-Giới (Nơi chốn-cảnh giới), Khổ báo- Tập khởi gọi là Thân Sự Sinh. Câu trước là nhân của Đạo, câu sau là nhân của Giới.

Sau từ “Ái kiến...” trở xuống có hai câu, dựa theo Nghiệp trình bày về phiền não nhiễm. Câu trước trình bày về nghiệp nhân làm chướng ngại giải thoát ở trong ba phần. Nói ba phần: Ái là hành theo đuổi Thọ

đục của Hiện báo trong mong cầu Dục, Kiến là mong cầu Phạm hạnh tà vạy, Si là hành theo đuổi Tập ác của Hiện báo trong mong cầu Dục. Vì vậy Luận nói: Chúng sinh không có giới luật vì hiện tại ít niềm vui, quen theo các hành ác thật là ngu si. Mạn bao gồm ba loại trên, mà phần nhiều thuộc về Kiến. Mong cầu quả báo thuộc về Sinh, thâm nhiệt về nhiễm, cho nên ở đây lược bỏ không có. Ba loại trên đều làm chướng ngại giải thoát, sai lầm tai họa khó trừ bỏ, bởi vì như mũi tên cắm vào thân cây. Ngoại đạo đạt được Định Phi tưởng, hãy còn tương ứng với Kiến-Mạn. Trên đây chính là ý của Luận, cũng có thể Kiến-Ái... bao gồm phiền não trong bảy Thức, cho nên nói là đi sâu vào. Câu sau trình bày về phiền não này tùy thuận ba nghiệp thân-khẩu-ý của thế gian, bởi vì không đoạn trừ nhân khởi lên.

Trong kết luận, tám vạn bốn ngàn phiền não ở phẩm Tùy Hảo tự nhiên trình bày, trong kinh Hiền Kiếp cũng có tương ấy.

Đoạn ba- Giải thích về Nghiệp, cũng có ba: Tổng quát-riêng biệt và kết luận. Trong riêng biệt có mười câu làm thành chín loại sai biệt, bởi vì hai câu sau hợp lại.

1- Sai biệt về nhân của Đạo (Nơi chốn), nghĩa là tổng quát nói về ba tánh làm nhân của sáu nẻo, dẫn ra cả hai chỉ là thiện-ác đều có ba phẩm. Địa thứ hai đã nói về Mãn nghiệp bao gồm ba tánh. Danh ngôn huân tập cũng bao gồm ba tánh, bởi vì có thể làm nhân của chủng tử. Vả lại, luận Câu Xá quyển thứ 17, dùng nhân của ba tánh đối với năm loại quả, bởi vì Vô ký cũng có thể dẫn đến quả. Luận chủ lấy tất cả ba tánh làm nhân của Đạo, có lẽ đã không dẫn đến Dị thực, bởi vì Luận chủ nói tổng quát mà ý riêng biệt.

2- Có biểu hiện rõ ràng..., là sai biệt về tự tánh, nhưng Luận về Kinh thì câu này nói là Tướng dấy lên-chưa dấy lên. Ở đây thì đều dùng Tư làm tự tánh, bởi vì Luận nói: Ở đây có hai loại: Một- Lúc tính toán, đây là thuộc về ý địa, bởi vì chỉ có suy nghĩ kỹ càng về một loại Tư, giải thích về nghĩa chưa dấy lên. Hai- Lúc dấy nghiệp, giải thích chữ Tác trong Kinh, có Tư thuộc về quyết định, nếu ở thân-ngữ thì chỉ là Tư thuộc về phát động. Luận Thành Duy Thức nói: “Tư duy tác động ở thân gọi là thân nghiệp, Tư duy phát khởi ở ngữ gọi là ngữ nghiệp.” Nhưng nay đã nói có biểu hiện rõ ràng..., tức là Biểu-Vô biểu nghiệp đều bao gồm ba nghiệp, Biểu thì ba nghiệp đều là Tư, Vô biểu thì không phải Tâm-không phải Sắc, hoặc nói là Sắc thu nhận, nghĩa nói như riêng biệt.

3- Cùng với tâm đồng sinh không lìa xa, là sai biệt về phương

tiên của tâm cùng sinh, bởi vì tâm huân tập sinh ra quả không sai khác, nghĩa là Tư thuộc về nghiệp này và Ý thức Đẳng khởi cùng sinh, tùy theo thiện-ác ấy sinh ra rồi, liền huân tập Bốn thức trở thành chủng tử thuộc Danh ngôn..., chủng tử tương tự có thể huân tập cho nên nói là sinh ra quả không sai khác, tức là nghĩa về không lìa xa.

4- Tự tánh của nhân..., là sai biệt về quả Tận-Tập, nghĩa là nhân của nghiệp tử vô tử bởi vì là Hữu vi, tự tánh hoại diệt trong sát-na cho nên nói là Tận. Đây là hiển bày về không phải Thường mà có thể duy trì đến quả. Công không hư hoại mất đi, cho nên nói là Tập quả không mất. Đây là hiển bày về không phải Đoạn, niệm trước tuy diệt mà niệm sau nối tiếp tồn tại, cho nên nói là thứ tự, cũng là nhân ngay lập tức huân tập quả, bởi vì theo thứ tự như năm Thức...

5- Có Báo và không có Báo, Luận nói: Sai biệt về đã nhận lấy quả-chưa nhận lấy quả, nghiệp thuộc về Sinh báo của quá khứ, hiện tại đã nhận lấy gọi là có Báo; Hậu báo chưa nhận lấy gọi là không có Báo, không nói là hoàn toàn không có. Lại có một lý, nghĩa là nghiệp đã hối hận thì có lẽ không có Báo, có Báo có thể biết.

6- Các Báo thuộc về Hắc Hắc (Bất thiện)..., là sai biệt về đối đãi, nghĩa là bốn nghiệp trái ngược nhau mà trở thành sai biệt, hai loại đầu là Hắc-Bạch (Thiện-bất thiện) trái ngược nhau, hai loại sau là Lậu-Vô lậu trái ngược nhau.

Nói về Hắc Hắc, tức là nhân quả đều ác thuộc về loại thứ nhất trong bốn loại. Lại bởi vì nhân quả đều tương ứng với Vô minh, tức là nghiệp thuộc về ba đường dữ.

Đẳng là cùng với ba loại còn lại, nghĩa là: Loại thứ hai gọi là Bạch Bạch nghiệp bởi vì nhân quả đều thiện, bởi vì đều tương ứng với Trí Minh, tức là nghiệp thiện của cõi Sắc. Loại thứ ba là Hắc Bạch nghiệp, tức là thiện ác xen tạp trong nhân của nghiệp thiện ở cõi Dục, cho nên nhận lấy Báo cũng xen tạp yêu thích-không yêu thích. Loại thứ tư là nghiệp Phi hắc-Phi bạch, nghĩa là các nghiệp Vô lậu vốn không có Dị thực, đối với hai nghiệp Hắc-Bạch trên đây mà thiết lập tên gọi Song phi (Cả hai không phải).

Nói về Tướng của các Báo, là bởi vì ba loại trước có Báo, Luận nói: Bởi vì nghiệp tích tập mà thành tự. Nếu dựa vào ý của luận Câu Xá, thì nghiệp Hắc-Bạch ấy dựa theo nối tiếp nhau mà nói, bởi vì không có một Nghiệp và một Dị thực là Hắc cũng là Bạch trái ngược với nhau. Nói về nối tiếp nhau, nghĩa là hoặc ý thích Hắc mà phương tiện Bạch, như làm những việc cung kính để lừa dối người khác...; hoặc

ý thích Bạch mà phương tiện Hắc, như hiện tại nói lời thô ác bởi vì xót thương đệ tử... Nếu dùng nghĩa suy ra, thì chính là dùng tâm nịnh bợ mà làm những việc cung kính, cũng có thể cùng một lúc. Còn lại mở rộng như luận Tập Tập quyển thứ 8, luận Câu Xá quyển thứ 16.

7- Như ruộng vô lượng, là sai biệt về nhân duyên, nghĩa là chủng tử của Thức làm nhân, thửa ruộng của nghiệp làm duyên, tùy theo ruộng cao-thấp... khác nhau, mà khiến cho gieo trồng cũng có nhiều sai biệt. Luận về Kinh nói là tướng vô lượng của ruộng nghiệp.

8- Phạm và Thánh sai biệt, tức là sai biệt về đã tích tập-chưa tích tập, xuất thế gian là chưa tích tập, thế gian là đã tích tập.

9- Có hai câu (9-10) là sai biệt về Định-Bất định: Câu trước trình bày về ba loại Báo thuộc thời gian Định-Bất định, nghĩa là hiện tại gây ra hiện tại nhận lấy Báo gọi là Hiện Thọ, hiện tại gây ra tiếp theo đời sau nhận lấy Báo gọi là Sinh Thọ, hiện tại gây ra từ đời thứ ba trở đi mới nhận lấy Báo gọi là Hậu Thọ. Ở trong ba thời gian này đều có Định-Bất định, nghĩa là Định Báo trong hai thời gian trước bao gồm Định-Bất định, Báo trong một thời gian sau đều bao gồm Định-Bất định. Câu sau trình bày về Thừa-Phi thừa, Định-Bất định. Thừa tức là Tam thừa, chỉ tu theo nghiệp thuộc Thừa của mình gọi là Định; vừa tu ở Thừa này, lại tu ở Thừa kia, gọi là Bất định. Phi thừa, nghĩa là thế gian không có nghĩa vận dụng vượt ra. Định thì khó vượt qua, Bất định thì dễ vượt qua.

Trong kết luận cũng nói về tám vạn bốn ngàn, là nhân của phiền não đã như vậy thì nghiệp đã dấy khởi cũng như vậy. Các môn như Căn... đều trở thành tám vạn, ngược với điều này tức là hiển bày về môn Ba-la-mật, môn Tam-muội...

Đoạn bốn: Trong giải thích về Căn, có hai: Trước là riêng biệt, sau là kết luận. Trong riêng biệt, mười tướng làm thành chín loại sai biệt, bởi vì tướng 5-6 hợp lại.

1- Sai biệt về Thuyết giảng và căn khí, nghĩa là căn khí đã trao truyền về pháp thuyết giảng, bởi vì năm căn như Tín... có Hạ-Trung-Thượng; cũng là Độn-Trung-Lợi, nghĩa là tiếp nhận đối với Giáo lý vốn có nhanh-chậm và nhiều-ít.

2- Sai biệt về Căn chuyển, quá khứ-vị lai là thời gian trước-sau, hiện tại đã xác định hướng về hai phía mà nói khác nhau, nghĩa là Căn bậc Thượng-Trung-Hạ trước đây, ở trong ba thời gian hướng về với nhau mà chuyển biến. Nếu sau chuyển làm Trung-Thượng thì Căn trước đây là giảm xuống; sau chuyển làm Hạ thì Căn trước đây là tăng lên, là nghĩa về sai biệt. Không chuyển thì bình thường, là không có sai biệt.

Vì vậy Luận nói: Căn trước-sau, Căn trước đây giảm xuống-tăng lên và bình thường.

3- Sai biệt về ba tánh, nghĩa là dựa theo căn tánh Tam thừa như Bồ-tát..., so sánh với nhau làm Thượng-Trung-Hạ, cho nên không giống nhau, căn tánh bậc nhất nối thông với Tam thừa.

4- Sai biệt về phiền não nhiễm, nghĩa là năm Thọ căn như Hỷ-Lạc..., bởi vì tùy theo phiền não như Tham... mà có thể tăng thượng.

5- Hai tướng 5-6 trình bày sai biệt về Định-Bất định: Câu 5 là Thừa-Phi thừa đều dựa theo thuần thực-không thuần thực để trình bày, trong Đại thừa thì thuần thực là Định, không thuần thực là Bất định; trong Tiểu thừa thì thuần thực là Bất định, bởi vì có thể chuyển biến hướng về Đại thừa, không thuần thực là Định, đều tùy theo Thừa của mình mà giải thoát. Nếu là thế gian, thì Phi thừa thuần thực là Bất định, bởi vì có thể giáo hóa để tiến vào đạo, không thuần thực là Báo đã xác định. Lại tạm thời rời bỏ, tức là trong thời gian chờ đợi lìa xa thế gian, mới chuyển hóa thanh tịnh để rời bỏ. Câu 6 là thuần thực điều hòa mềm mỏng, luôn luôn là Định.

6- Tùy theo mạng lưới của Căn dễ dàng chuyển biến hư hoại, là sai biệt về thuận hành. Đây là nhận biết về cảnh giới thuận với hành của Căn như mắt..., mà có thể tăng thượng, trong đó có ba loại thuận hành: Một- Thuận hành dựa vào thân, nghĩa là sáu Nhập lần lượt chuyển tiếp thay nhau cùng ràng buộc lẫn nhau, như lưới giăng để bắt cá-chim không giải thoát được, cho nên nói là mạng lưới của Căn, hành này là cảnh giới bên trong. Hai- Thuận hành sinh diệt, Thể là Hữu vi Sinh-Trú không lâu cho nên nói là dễ dàng; dễ dàng có thể Di-Diệt cho nên nói là chuyển biến hư hoại. Ba- Thuận hành quán sát về hành giữ lấy tướng, hành này là cảnh giới bên ngoài. Ngay nơi Luận về Kinh nói là giữ lấy tướng, nay văn thiếu ý này, hoặc là thu nhận trong mạng lưới của Căn.

7- Sai biệt về Thanh văn thanh tịnh, hướng về phàm phu thì hành của Nhị thừa vốn là tăng thượng, bởi vì căn của Nhị thừa dựa vào diệt chướng mà có thể thành tựu, cho nên phiền não không có năng lực hủy hoại.

8- Sai biệt về Bồ-tát thanh tịnh, đây là bao gồm ba loại lui sụt-không lui sụt.

9- Tùy thuận sâu xa..., là nêu ra sai biệt về tất cả các căn thâm nhiếp, nghĩa là ba căn Vô lậu thâm nhiếp toàn bộ các căn. Ba căn Vô lậu: Một- Vừa mới thực hành, tức là Vị tri đương tri căn; Hai- Phương

tiện, tức là Dĩ tri căn, đang lúc Tu đạo cho nên gọi là phương tiện; Ba-Báo thuần thực, tức là Cụ tri căn, nghĩa là Tín căn... trước đây cùng với ba căn Vô lậu sinh ra mà tùy theo hơn-kém, ba phần vị không giống nhau, từ đầu đến cuối cho nên gọi là tùy thuận sâu xa. Ba căn này, đối với tu tập Niết-bàn Vô học mà được tăng thượng.

Trong chín loại trên đây: Loại thứ nhất-thứ hai dựa theo Tín...; loại thứ ba-thứ năm-thứ bảy-thứ tám đều dựa theo Tam thừa, nối thông với các Căn; loại thứ tư dựa theo năm Thọ; loại thứ sáu dựa theo mắt...; loại thứ chín dựa theo ba căn Vô lậu. Hai mươi hai Căn đã trình bày mười chín Căn, Nam-Nữ-Mạng căn không đủ để có thể phân rõ. Còn lại như phẩm Căn trong luận Câu Xá nói sơ qua, cho dù như vậy mà phần tế vốn là vô lượng.

Kết luận nói rằng: Cho đến tám vạn bốn ngàn.

Đoạn năm: Thí dụ về ba Trụ Lâm, nghĩa là Giải-Tánh-Dục, ba loại này cùng với Căn-Tánh thuận theo nhau tiến vào, bởi vì nêu ra một loại có thể suy xét ba loại còn lại, cho nên đều lược qua thí dụ.

Đoạn sáu: Giải thích về Tùy miên: Trước là tổng quát, sau là riêng biệt.

Trong tổng quát: Bản kinh thời Tấn và Luận về Kinh đều gọi là Sử. Luận nói là Tùy thuận, bởi vì nghĩa về theo đuổi ràng buộc, như công sứ thế gian. Sử theo đuổi chúng sinh, có thể thường xuyên ràng buộc, tức là Tùy miên, bởi vì ngủ kín trong Tạng thức mà theo đuổi ràng buộc. Đây là chỉ dựa theo chủng tử, không giống với Tông chỉ của Tiểu thừa.

Trong riêng biệt có mười hai câu, Luận thâm nhiếp làm hai: Sáu câu trước trình bày về theo đuổi nơi nào, sáu câu sau trình bày về lấy gì theo đuổi.

Trong sáu câu trước phân làm năm:

1- Hai câu đầu hợp lại, dựa theo tâm để trình bày về nơi chốn: Câu trước là theo đuổi đối với tâm thuộc Báo, chính thức hiển bày về ngủ kín trong Tạng thức, tức là nơi ngủ yên lâu dài, mà nói là sâu xa, bởi vì từ vô thủy đến nay đầy đủ vi tế khó nhận biết. Câu sau là theo đuổi đối với tâm thuộc Phi báo, tức là Chuyển thức phân biệt; sự việc trong Thức không lìa xa sự việc hiện tại mà sinh, cho nên chỉ nói là tâm, tức là nơi chốn tạm thời xoay chuyển.

2- Tương ứng và không tương ứng, là dựa theo ba cõi để trình bày về nơi chốn. Bởi vì chỉ tương ứng với tâm của cõi ấy, chứ không tương ứng với tâm của cõi khác. Vì vậy Luận nói: Cõi Dục-Sắc-Vô sắc, hoặc

là Thượng-Trung-Hạ sai biệt, như phiền não của cõi Vô sắc vi tế, cho nên gọi là Hạ... Tuy là tánh thuộc về Tùy miên mà đều thành tự, tùy theo phiền não hiện hành ấy cũng có nghĩa về không tương ứng.

3- Tướng tùy theo hành lâu xa, là dựa theo Địa để trình bày về nơi chốn. Luận nói là bởi vì tùy thuận cho đến Hữu Đảnh. Nhưng nói về Hữu Đảnh, nối thông có hai nghĩa: Một- Đến đỉnh của Kim Cang; Hai- Đến đỉnh của ba cõi. Nay chọn lấy nghĩa nối thông với Đại-Tiểu, nói thẳng là Hữu Đảnh. Luận về Kinh chỉ nói là tiến vào sâu xa. Nay nói lâu xa, bởi vì cũng từ vô thỉ đến nay hướng lên đến đỉnh của Địa thứ chín.

4- Tướng từ vô thỉ đến nay không loại bỏ, đây là dựa theo thời gian để trình bày về nơi chốn. Nơi chốn đã vô biên thì thời gian cũng vô thỉ, chỉ có Trí mới có thể làm cho giặc thù Tùy miên sợ hãi, bởi vì đã chưa hề có Trí của Văn-Tư-Tu, cho nên không thể nào loại bỏ.

5- Cùng với tất cả thiên định..., đây là dựa theo hành để trình bày về nơi chốn. Bởi vì Tùy miên theo đuổi, khiến cho những Thiên định của thế gian không thể nào diệt trừ tâm Ái kiến... Bởi vì không thể nào tùy thuận tu hành đúng đắn, cho nên gọi là trái ngược nhau. Vì vậy kệ sau nói: Cảnh thiên định bày ra nhưng vẫn thối chuyển.

Trong sáu câu sau từ “Tam giới...” trở xuống là trình bày về lấy gì theo đuổi, tức là hiển bày về tướng của theo đuổi, bởi vì tướng này cho nên gọi là Tùy miên. Tướng này có sáu loại:

1- Theo đuổi không gián đoạn đối với ba cõi trên đây, nối tiếp nhau tương tự cho nên ba cõi không gián đoạn, mà làm cho ràng buộc bởi vì có Sở này, như người thế gian say ngủ không thể nào rời khỏi giường nằm.

2- Theo đuổi trải qua thời gian lâu xa, tức là đối với thời gian từ vô thỉ trên đây, hiện khởi vô biên khiến cho tâm nối tiếp nhau, như người thế gian say ngủ, tâm mộng ảo nối tiếp theo nhau.

3- Mở toang cửa ngõ của các nơi chốn, theo đuổi sinh khởi của một thân, nghĩa là trình bày về theo đuổi tâm thuộc Báo-Phi báo trên đây, đối với một thân trước đây, như người thế gian say ngủ, thấy-nghe trong giấc mộng. Trong đó có hai nghĩa: Một- Khiến cho cửa ngõ của các căn như mắt..., luôn luôn tích tập sinh ra sáu loại Thức, làm cho cùng sinh khởi với nhau, cho nên nói là mở toang cửa ngõ. Đây là trình bày về tâm thuộc phương tiện theo đuổi bên ngoài. Hai- Luận nói: Và bởi vì A-lại-da huân tập. Đây là trình bày về tâm thuộc Báo huân tập bên trong. Luận về Kinh, sau chữ Môn lại có chữ Tập, tức là tâm tập khởi

của A-lại-da, nhưng đều là các nơi chốn cùng dựa vào. Nay nghĩa của Kinh là hàm chứa mà thôi.

4- Kiên cố thật sự khó đối trị, tức là không thật sự theo đuổi, nghĩa là lúc tu Thiền... không đạt được đối trị chân thật, bởi vì không thật sự. Kiên cố thật sự, như người thế gian say ngủ mê man, bởi vì âm thanh lớn không có thể lọt vào sâu được, cho nên không biết do đâu mà thức dậy.

5- Nơi chốn của Địa..., là theo đuổi vi tế. Đây là theo đuổi thân phiến não, đối với sáu nơi tiến vào (Nhập xứ) trong Địa thứ chín, ở nơi chốn Hữu Đảnh trên đây. Nhưng Địa thứ chín có hai nghĩa: Một- Dựa theo ba cõi, Địa thứ chín tuy đều thành tựu vi tế, mà không biết thành tựu bao nhiêu nơi chốn, cho nên gọi là không thành tựu, như người thế gian say ngủ, trong giấc mộng nói là thức. Hai- Bởi vì Thiệt Tuệ là Địa thứ chín, Địa thứ mười hãy còn có, cho nên gọi là vi tế. Không thành tựu, là bởi vì trong Địa này có phần đoạn trừ. Vì vậy kệ sau nói: Đạo Kim Cang diệt mới hoàn toàn không còn.

6- Theo đuổi về lìa xa khổ, nghĩa là chỉ riêng Trí không còn phân biệt, thì Thánh đạo xuất thế gian mới có thể vượt ra, như say ngủ gặp phải va chạm.

Đoạn bảy: Trong giải thích về Trù Lâm của Thọ sinh, có mười câu: Trước là tổng quát, sau là riêng biệt. Luận gồm chung làm tám:

1- Đủ loại thân, nghĩa là bởi vì nhiều hình sắc-chủng loại.

2- Đủ loại nghiệp nhân.

3- Đủ loại trú xứ.

4- Hai câu 4-5 là đủ loại Sắc-Tướng từ trên xuống dưới.

5- Đủ loại nhân của Sắc giống với bên ngoài, nghĩa là chọn lấy ruộng... mà dụ cho bên ngoài giống nhau.

6- Đủ loại Tự Thể, bởi vì Danh sắc và Thức cùng sinh khởi, dựa vào nhau không lìa xa, là Tự Thể của Báo.

7- Đủ loại nhân căn bản thuận theo sinh khởi, nghĩa là Si-Ái làm căn bản thuận theo sinh khởi mong cầu quả báo, mà khiến cho nối tiếp phát sinh.

8- Hai câu cuối cùng là tích tập đủ loại Khổ đế, nghĩa là ba mong cầu không giống nhau đều là nhân tích tập, chỉ tích tập quả Khổ, cho nên nói là đủ loại. Câu trước hiển bày về hai mong cầu là Dục-Hữu, Dục thọ tức là mong cầu về Dục, bởi vì Tham-Ái cùng giữ lấy theo đuổi mãi không thôi; Dục sinh tức là mong cầu về Hữu, bởi vì Ái sinh ở ba cõi, tự mình có được thân tốt đẹp, lại thâm nhiếp quyến thuộc. Nói đắm theo

vui thích từ vô thí, là hiển bày về lỗi lầm của hai mong cầu trên đây. Câu sau tức là mong cầu Phạm hạnh tà vạy, bởi vì tâm đắm theo giữ lấy, cho nên không nhận biết ba cõi luân hồi, mà tham đắm mong cầu ba cõi, tướng lớn-nhỏ vô lượng tùy tiện nói là Niết-bàn, nghĩa là hoặc vô bụng nói là Đạo, hoặc chấp Vô tướng-Phi tướng làm Niết-bàn.

Đoạn tám: Trong giải thích về tập khí, cũng trước là tổng quát, sau là riêng biệt.

Tổng quát nói là tập khí đã bao gồm hai nghĩa, không thể giới hạn ở tập khí còn sót lại của La-hán. Tuy nêu lên tập khí mà trong riêng biệt đều nói là huân tập, Huân nghĩa là xông đốt, như hương khí bên ngoài, Tập nghĩa là học theo thói quen. Chỉ dựa theo thói quen của hữu tình, chắc chắn có thể xông ướp để trở thành trạng thái tinh thần (Khí phần), cho nên nói là Tập khí, tức là dùng Thức A-lại-da làm nơi xông ướp, bởi vì luôn luôn trú vào một loại là tánh Vô ký, mà có thể tiếp nhận xông ướp. Bấy chuyển thức trước dùng làm chủ động xông ướp, bởi vì có lực của sinh diệt tăng mạnh mà có tăng-giảm, chủ động-thụ động cùng hòa hợp với nhau cho nên gọi là huân tập. Ở đây giống như Nhiếp Luận và luận Duy Thức quyển thứ 2. Nếu dựa vào luận Khởi Tín, thì Chân Như cũng có thể huân tập bên trong, Phật-Thiện hữu... dùng làm huân tập bên ngoài, trong-ngoài hòa hợp để trở thành Khí phần. Trong phần trước đây tuy nghe giáo pháp... mà cũng nhờ vào Thức có thể lãnh thọ, cho nên phân định về Thức làm chủ động xông ướp. Nay đều bao gồm. Trong văn này đã có nhân xông ướp cùng với quả..., nhất định biết rằng huân tập trở thành chủng tử là nghĩa của Khí phần.

Trong riêng biệt có mười loại sai biệt:

1- Sai biệt về dẫn đến quả (Dữ quả) hiện tại-không phải là hiện tại, nghĩa là nhân của nghiệp thiện-ác ở quá khứ, và quả hiện tại cùng khởi lên gọi là hành, không cùng khởi lên gọi là không hành; như người thực hành bố thí, nay có được thân người cũng luôn luôn vui thích bố thí... Đây tức là nhân của thói quen (Nhân Tập).

2- Tùy theo nơi chốn (Thú) xông ướp, là sai biệt về nơi chốn (Đạo) xông ướp, như từ cõi trời đến, nay hãy còn trong sáng thanh tịnh. Mở rộng trình bày về nơi chốn xông ướp, như trong kinh Đại Uy Đăng Quang Tiên Nhân Sở Vấn. Đây tức là quả của thói quen (Quả Tập). Hai loại trên đều là hương về quá khứ mà nói hiện tại.

3- Tùy theo hành của chúng sinh, là sai biệt về xông ướp chúng sinh thân cận. Đây là duyên của thói quen (Duyên Tập). Bởi vì thích hợp xa điều ác-gần điều thiện, do cẩn thận mà luyện tập, cho nên xưa

kia nhà vua không làm chuồng ngựa ở dinh quan, mà làm ở nơi giết mổ súc vật.

4- Tùy theo nghiệp..., là sai biệt về hành nghiệp-phiền não xông ướp. Hành nghiệp, là giải thích chữ Nghiệp trong Kinh, nghĩa là bắt đầu dấy lên sự nghiệp, chọn ra không phải là nhân của nghiệp; như người thợ rèn thích hợp dạy cho cách đếm hơi thở... Thói quen của phiền não, như người thích ngủ thì ngủ càng nhiều...

5- Thiện và bất thiện..., là sai biệt về nghiệp thiện... xông ướp, nghiệp này tức là nhân của nghiệp, bởi vì ba tánh như thiện... này hưởng về quả vị lai, cho nên gọi là nghiệp; như người thực hành bố thí từ lâu, tâm bố thí càng sâu đậm... Ba loại trên chỉ dựa theo đời hiện tại để trình bày về tập khí.

6- Tùy theo tiến vào quả báo của đời sau (Hậu hữu), là sai biệt về Trung ấm xông ướp. Bởi vì Trung hữu tức là sau Bốn hữu, như người Phạm hạnh đến trong Trung hữu, cũng không có nhiễm dục.

7- Theo thứ tự, là sai biệt về dẫn đến quả theo thứ tự xông ướp, nghĩa là tu tập nghiệp thiện-ác, ở phần vị quả báo của đời sau, nhận lấy quả theo thứ tự trong các nẻo; thói quen cũng dẫn đến quả theo thứ tự không sai khác. Hai loại trên dựa theo hiện tại hưởng về vị lai để nói về huân tập.

8- Không đoạn trừ..., là sai biệt về nhân của Thiền lìa xa thế gian xông ướp, nghĩa là các Định vô lậu gọi là Thiền lìa xa thế gian, tu pháp Học vô lậu tức là nhân của Định vô lậu. Bởi vì phiền não chưa đoạn trừ, cho nên tuy tu tập vô lậu mà cũng bị phiền não dẫn dắt. Phiền não theo đến vô lậu, gọi là viễn hành; hành cũng là nghĩa của tiến vào (Nhập).

9- Thật và không phải thật, là sai biệt về Đồng pháp-Dị ngoại đạo-Hành-Giải thoát xông ướp. Đồng pháp là giải thích về Thật, tức là pháp của Tam thừa vốn giống như pháp của Phật. Dị ngoại đạo là giải thích về không phải thật, bởi vì ở ngoài pháp của Phật, cho nên gọi là Dị. Hành là nhân của loại trên. Giải thoát là quả của hai loại trên. Đều có huân tập, bởi vì thích luyện tập với pháp vốn có, đã từng tu theo pháp Tiểu thừa, nay tuy học theo Đại thừa, mà trước đã phát khởi thói quen của Tiểu thừa. Còn lại có thể dựa theo nhận biết. Đây tức là Tà-Chánh cùng trình bày, dựa theo tu chứng mà nói, cũng hàm chứa về tướng của tập khí còn lại của Tam thừa.

10- Sai biệt về Thừa xông ướp, chỉ ngay nơi Chánh mà dựa theo sự thấy-nghe. Phẩm An Lạc Hạnh trong kinh Pháp Hoa nói: “Khiến cho không gần gũi Nhị thừa, bởi vì sợ rằng thói quen trở thành chướng tử.

Mười loại trên đây: Bảy loại trước dựa theo thời gian, ba đời-ba cõi hưởng về với nhau để trình bày thói quen nối thông với thiện-ác; loại thứ tám trình bày về ác tùy theo thiện; hai loại sau dựa theo đủ loại tập khí của con người, đều có thể hiểu rõ, khiến cho thành tựu về Trí thuộc tập khí mà không có tập khí của Như Lai.

Đoạn chín: Giải thích về Trù Lâm của ba Tụ, cũng trước là tổng quát, sau là riêng biệt. Luận nối thông làm năm:

1- Tổng quát tức là pháp có Niết-bàn, pháp không có Niết-bàn, là sai biệt về luôn luôn Định trong Tam thừa, không có tức là Tà định tụ, có tức là Chánh định tụ, bởi vì đều Định đối với Thừa của mình. Là xa Bất định này, Luận lược qua không giải thích. Ở đây ngay nơi chủng tánh, dựa theo phần vị để trình bày, Ngoại phàm không có Niết-bàn, Thánh nhân Tam thừa chắc chắn có, Nội phàm thì không nhất định. Lại dựa theo một kỳ hạn lâu xa, không phải là hoàn toàn không có.

2- Sai biệt về nhân của hành thiện-hành ác, đây là dựa theo hiểu rõ về phiền não để phân làm ba Tụ, nghĩa là Chánh kiến là nhân của hành thiện, Tà kiến là nhân của hành ác, hai Kiến nhất định khởi lên hai hành gọi đó là Định. Nói hai loại đều không nhất định, là không có Chánh tuệ để quyết định chọn lựa (Quyết trạch). Lại không bài bác không có nhân quả, dẫn dắt thì có thể thanh tịnh lên cao, buông lỏng thì trở thành thấp kém tàn tạ, cho nên nói là không nhất định. Sau nói về Bất định tụ dựa theo đây có thể biết, vì vậy Luận cũng không giải thích.

3- Sai biệt về nhân của đường thiện-đường ác, đây là dựa theo hành nghiệp để phân rõ.

4- Sai biệt về nhân của ngoại đạo-Thanh văn, đây là dựa theo phần vị để phân biệt, trái với tám Chánh ấy thì gọi là tám Tà. Ngoại đạo nhất định là phần vị Tà, Chánh tánh ly sinh nhất định là phần vị Thánh nhân, bởi vì đã tiến vào Kiến đạo. Ba thiện căn trước đây thì gọi là không nhất định.

5- Sai biệt về Bồ-tát, đây là dựa theo được-mất của người tu tập Đại thừa để phân biệt, đấm theo Tà là mất, đó gọi là sáu Tệ; Thánh đạo là được, tức là sáu Độ...

Phần c là tổng quát kết luận về an trú, văn thuộc về tiến vào Hạnh, ý của Luận tổng quát kết luận ba phần trước, cho nên nói là thành tựu ba loại sự việc trước đây, mới có thể an trú trong Địa này.

Phần 4: Từ “Trú thử Địa...” trở xuống là trình bày thành tựu về Thuyết giảng, cũng thâm nhiếp về Thiện Pháp Hạnh, bởi vì Biện tài làm

lợi ích nhiều giống như Hạnh ấy. Trong văn có hai: Trước là nhắc lại phần trước để tổng quát hiển bày, nghĩa là hiểu rõ về tâm hành thì mới khéo léo thuyết giảng. Sau từ “Phật tử...” trở xuống là mở rộng hiển bày thành tựu về Thuyết giảng, có ba thành tựu: a- Thành tựu về Trí, nghĩa là bởi vì nhận biết về pháp, nhận biết về căn khí, nhận biết về nghi thức giáo hóa; b- Thành tựu về khẩu nghiệp, bởi vì có thể phát khởi thuyết giảng; c- Thành tựu tự tại về phần vị Pháp Sư, bởi vì đạt được Đà-la-ni... mà thành tựu đức ở phần vị ấy. Đều có chữ Phật Tử dùng để chọn ra khác biệt.

Phần a- Thành tựu về Trí, có hai: Một- Trình bày tùy theo pháp đã nhận biết; Hai- Từ “Nhất thiết...” trở xuống là tùy theo căn khí đã dựa vào. Hai loại này đâu khác với thành tựu về Trí-thành tựu về tiến vào ở văn trước? Ba loại trước đều phân biệt mà nhận biết, nay ở đây tổng quát thu nhận dùng pháp hòa hợp với căn khí.

Mục một- Pháp đã nhận biết, tức là sai biệt về giải thoát của Tam thừa-Nhất thừa, đều hàm chứa Giáo-Chứng. Giáo đạo là bởi vì muốn giáo hóa chúng sinh khiến cho căn khí thuần thực, Chứng đạo là bởi vì muốn hóa độ chúng sinh khiến cho đạt được giải thoát, Thể chính là hóa độ.

Trong mục hai là tùy theo căn khí đã dựa vào, văn có ba mục: 1- Tổng quát trình bày; 2- Từ “Năng tùy...” trở xuống là riêng biệt hiển bày; 3- Từ “Linh sinh...” trở xuống là kết luận về lợi ích. Luận chủ thu nhận tất cả làm bảy loại căn khí:

Mục 1- Đối trị căn khí mà thuyết giảng về pháp đã thuyết giảng. Luận tự giải thích rằng: Tùy theo người cần phải hóa độ, mà trao cho pháp đối trị. Tức là hai câu trong phần tổng quát, câu sau là thuyết giảng về pháp đã thuyết giảng, câu trước tức là căn khí đã đối trị.

Mục 2- Trong riêng biệt: Đầu là có thể tùy theo và sau là vì họ mà thuyết pháp, tức là thuyết giảng về pháp đã thuyết giảng trước đây, giữa là các Trù Lâm như Căn..., tức là căn khí đã đối trị. Trong đó dựa theo Luận về Kinh, sau chữ Chúng Sinh có chữ Tâm, tức là Trù Lâm của Tâm, nối thông làm năm loại căn khí.

Một: Tâm-Căn-Tánh-Dục-Giải của chúng sinh, là trình bày về thành tựu căn khí và pháp đã thuyết giảng, nghĩa là trong mười một Trù Lâm, năm loại này chính thức hiển bày về pháp khí đã thành tựu như Tín..., bởi vì có thể thuyết giảng tùy theo Căn-Dục..., cho nên riêng biệt hiển bày về điều đó.

Hai: Pháp đã thực hành có khác nhau, hàm chứa hai nghĩa: 1- Dựa

theo hành thuộc về chủ động thực hành, gọi là đủ loại căn khí thực hành khác nhau, tức là chủ động thực hành như Căn... trước đây. 2- Cảnh giới thuộc về thụ động thực hành, tức là thụ động thực hành như Căn... trước đây.

Ba: Gọi là căn khí ví dụ, bởi vì tổng quát dụ cho năm loại trên đây. Như việc đồng áng ở thế gian đầy đủ năm nhân duyên, thì vật đã gieo trồng ấy thành tựu có thể sử dụng: 1- Có tâm với vật; 2- Có căn tăng thêm sinh ra sức mạnh cho vật; 3- Có tánh có thể sinh khởi; 4- Hàm chứa ẩm ướt mong muốn phát triển; 5- Quyết định có thể sinh trưởng. Dụ cho Tâm... trên đây, cho nên nói là thí dụ.

Bốn: Sai biệt về các Tu, tức là Định-Bất định, Căn chuyển-Căn khí, cũng bao gồm Căn... trên đây.

Năm: Từ “Diệc tùy...” trở xuống là tùy theo ngôn từ biện giải về căn khí, bởi vì nghiệp-phiền não xông ướp sinh ra căn khí ấy khó mà rời bỏ, cần phải làm người đồng hành khéo léo biện giải mới có thể giáo hóa.

Mục 3- Kết luận thành tựu lợi ích, tức là tùy theo nhân của Thừa, có thể sinh ra căn khí của Thừa, bởi vì các nghĩa trên không ra ngoài giải thoát thuộc về Thừa của mình.

Phần b- Từ “Phật tử, Bồ-tát trú thử...” trở xuống là thành tựu về khẩu nghiệp, gộp lại phân làm hai: Một- Tổng quát trình bày về đầy đủ đức của thuyết giảng; Hai- Từ “Dĩ vô lượng...” trở xuống là chính thức trình bày thành tựu về khẩu nghiệp.

Mục một- Cũng là thành tựu về Trí, bởi vì đầy đủ Hạnh của Pháp Sư tức là Trí. Mà nói là thuyết giảng, là bởi vì bảo vệ Pháp Tạng của Như Lai nối thông với thuyết giảng. Vậy thì bên trong duy trì đối với Trí, bên ngoài thì miệng thuyết giảng, vì sao gọi là đầy đủ Hạnh của Pháp Sư? Bởi vì trong nghĩa sâu xa vi diệu đầy đủ hai mươi loại công đức: 1- Nhận biết thời gian; 2- Ý đúng đắn; 3- Nhanh chóng; 4- Nối tiếp nhau; 5- Từ từ; 6- Thứ tự; 7- Câu nghĩa theo thứ tự; 8- Chỉ bày; 9- Vui mừng; 10- Khuyến khích; 11- Đầy đủ đức; 12- Không chê bai; 13- Không rối loạn; 14- Như pháp; 15- Tùy chúng; 16- Có tâm Từ; 17- Tâm an ổn; 18- Tâm thương xót; 19- Không tham đắm danh lợi; 20- Không khen mình chê người. Mở rộng giải thích như Luận. Kinh Niết Bàn đầy đủ bảy loại khéo léo nhận biết gọi là Đại Pháp Sư, cùng với Luận này có phần giống nhau.

Luận Từ Thị nói đầy đủ mười đức, thâu nhiếp đầy đủ nghĩa gọi là Đại Pháp sư: 1- Khéo léo nhận biết về nghĩa của pháp; 2- Có năng lực

tuyên thuyết rộng rãi; 3- Ở giữa chúng không sợ hãi; 4- Biện tài không gián đoạn; 5- Thuyết giảng phương tiện khéo léo; 6- Pháp tùy theo pháp thực hành; 7- Đầy đủ oai nghi; 8- Tinh tiến dũng mãnh; 9- Thân tâm không mệt mỏi; 10- Thành tựu về Nhẫn lực. Kết hợp với trên cũng giống nhau.

Trong mục hai: Là chính thức trình bày thành tựu về khẩu nghiệp: 1- Tóm lược trình bày; 2- Từ “Thử Bồ-tát dĩ pháp...” trở xuống là mở rộng hiển bày.

Mục 1: Trước là hiển bày về Thể của tên gọi, nghĩa là bên ngoài do ngôn từ tuyệt vời của Bồ-tát mà diễn thuyết về nghĩa của pháp, gọi là bốn Vô ngại Biện; bên trong do Trí phát khởi, gọi là bốn Vô ngại Trí. Tiếp là biện giải về Thể, Trí này tức là Hậu đắc Vô lậu làm Thể, cho nên nói là thiện xảo, tức là Trí nhận biết về Pháp-nhận biết về Cơ trước đây, nghĩa về Vô ngại giải có thể bao gồm Chánh Thể. Tiếp từ “Thử Bồ-tát...” trở xuống là dựa theo phần vị hiển bày về thù thắng, bởi vì Địa thứ nhất đạt được từng phần, Địa này tùy ý vận dụng, cho nên không hề tạm thời rời bỏ. Sau từ “Hà đẳng...” trở xuống là nêu ra tên gọi, Trí duyên với Pháp... không có chướng ngại, bởi vì Pháp... đều là cảnh giới của Trí. Thuận theo cảnh phân bốn:

Một- Pháp vô ngại, là Thể của Pháp, nghĩa là Tự Thể của Pháp vốn có quỹ phạm duy trì, tức là do hai Không thâm nhiếp, bởi vì cảnh Tục ngay nơi Chân. Luận nói: Xa lìa hai bên do Sinh-Pháp thâm nhiếp, như các tướng ngăn ngại của Sắc.

Hai- Nghĩa vô ngại, là Thể cảnh giới của Pháp, Nghĩa điều hòa với cảnh sai biệt trên Thể của Pháp, tức là cảnh của Chân đế do hai Không thâm nhiếp trên đây. Luận nói: Ngay trong cảnh ấy xa lìa hai bên do Sinh-Pháp thâm nhiếp, vốn là cảnh giới của Trí như thật. Nhưng đạt được Chân Trí này, là bởi vì Bồ-tát ở trong cảnh do hai chấp về Sinh-Pháp thâm nhiếp, dùng Trí an trú mong cầu các Sắc ấy chỉ là hư vọng, ngay nơi Tục mà Chân là Nghĩa riêng biệt trong các Sắc ấy.

Trên đây chính là ý của Viên Công. Ý ấy giống như không sinh-không diệt, là nghĩa về Vô thường, cũng có thể không dựa theo hai Đế. Pháp dựa theo Tự Thể, Nghĩa dựa theo sai biệt, nghĩa là tướng hư vọng phân biệt của mười một loại Sắc, tức là nghĩa riêng biệt. Nói về Trí như thật, là phù hợp với sự thật.

Ba- Từ vô ngại, là đích thực đạt được trao cho chúng sinh, nghĩa là đạt được phương ngôn ấy mà thuyết giảng cho người khác. Vì vậy Luận nói: Ở trong cảnh của Trí như thật ấy, đích thực nhận biết về ngôn từ

thuyết giảng tùy theo sự vui thích của người khác, đây là giải thích về đích thực đạt được; đích thực nhận biết về ngôn từ thuyết giảng tùy theo người khác mà trao cho, đây là giải thích về trao cho chúng sinh.

Bốn- Lạc thuyết vô ngại, là đích thực mong cầu trao cho Vô lượng môn, nghĩa là Lạc thuyết chính là nghĩa riêng biệt trong Từ vô ngại, bảy Biện tài phân tích ra gọi là Vô lượng môn. Luận nói: Đối với ngôn ngữ đích thực nhận biết ấy tùy theo sự vui thích của người khác, tùy theo nhận biết về đủ loại Nghĩa-Ngữ vô lượng mà trao cho.

Trong mục 2 là mở rộng hiển bày, Lý thật thì bốn loại này bao gồm đầy đủ tất cả, tạm thời dựa theo số tròn (Viên số) để nêu ra mười môn, đều có chữ Phục Thứ. Luận nói: Năm môn sau là Tịnh, nghĩa là Hạnh-Quả thuộc về Tam thừa, bởi vì hiển bày năm môn trước là Giáo-Lý thuộc về Tam thừa, nối thông với nhiễm-tịnh. Nói về mười môn:

Một- Dựa vào Tự tướng, nghĩa là nhận biết về Thể của Pháp thuộc Sự đều khác nhau.

Hai- Dựa vào Đồng tướng, nghĩa là nhận biết về Pháp thuộc Lý, hoặc là tánh-hoặc là tướng đều có Lý giống nhau.

Ba- Tướng của Hành, đây là dựa theo thời gian để biện giải về Pháp, bởi vì ba đời trôi qua nhanh chóng. Ba môn trên là nhận biết về Nghĩa, tức là pháp đã giải thích (Sở thuyên).

Bốn- Tướng của Thuyết giảng, đây là nhận biết về Pháp thuộc Giáo. Bốn môn trên đây đều dựa theo Pháp đã nhận biết.

Năm- Tướng của Trí, môn này dựa theo Pháp có thể nhận biết.

Sáu- Tướng của không có Ngã mạn, môn này dựa theo chướng đã lia xa để trình bày về thanh tịnh.

Bảy- Tướng của Đại thừa-Tiểu thừa, môn này dựa theo Pháp đã thực hành. Hai môn trên đây là bao gồm phân rõ về Hạnh-Quả của các Thừa. Ba môn sau riêng biệt dựa theo Nhất thừa.

Tám- Tướng của Bồ-tát Địa, môn này dựa theo Hạnh thuộc về nhân. Hai môn sau là nhận biết về Quả.

Chín- Tướng của Như Lai Địa, môn này dựa theo Thể.

Mười- Tướng của tác dụng trú trì, môn này dựa theo Dụng.

Nhưng trong mười môn trên: Pháp-Nghĩa là riêng biệt, Từ và Lạc thuyết phần nhiều giống nhau, đều là Từ thì thuyết giảng đối với Pháp-Nghĩa, Lạc thuyết chính là Nghĩa riêng biệt trong Từ; cũng có lúc dùng Từ để thuyết giảng về Pháp, Lạc thuyết là thuyết giảng về Nghĩa. Trong mười môn đều là bốn Vô ngại, tức là bốn loại tướng.

Môn một: Tự tướng, có bốn loại:

1- Tự tướng của Sinh-Pháp, nghĩa là nhận biết về Sắc là tướng biến đổi ngăn ngại...

2- Nghĩa, là tự tướng sai biệt, nghĩa là nhận biết về Sắc có mười một Xứ... Hai loại trên dựa theo tổng-biệt để phân ra Pháp-Nghĩa. Hai loại sau là Đồng Thể của phần Nghĩa.

3- Tự tướng của Tướng kiên cố, Tướng là chỗ dựa của ngôn từ phát khởi, cũng dùng tâm thuộc Tuệ mà giữ lấy hai loại tướng ấy: Một-Tùy theo tướng của các pháp mà mình đã giác ngộ; hai-Tùy theo những tướng mà ngôn từ thích hợp đã giáo hóa những chúng sinh ấy, dùng pháp đã giác ngộ tùy theo ngôn từ ấy mà thuyết giảng cho chúng sinh ấy. Thuyết giảng không có sai lầm gọi là kiên cố. Luận về Kinh nói không hủy hoại, hủy hoại tức là sai lầm.

4- Tự tướng sai biệt của Tướng ấy, nghĩa của Tướng giống như trên, nhưng mà theo thứ tự không ngừng, bởi vì phần nhiều khác nhau gọi là kiên cố, nghĩa ấy khiến cho người khác yêu thích gọi là không đoạn tận. Bởi vì một môn Tự tướng này là tổng quát, cho nên trong mục tổng quát trước đây, Luận cũng dựa vào cách giải thích này. Trong các Kinh-Luận cũng phần nhiều dựa vào đây.

Môn hai: Đồng tướng, dựa theo Tánh và Tướng để phân ra Pháp-Nghĩa.

1- Đồng tướng của tất cả pháp, nghĩa là các pháp cùng lấy Vô tánh mà làm Tự tánh.

2- Đồng tướng của pháp hữu vi vốn cùng sinh diệt, nghĩa là quán sát về tướng sinh diệt của môn Vô thường, có thể tiến vào câu thứ nhất, bởi vì tánh của pháp là Vô ngã, cảnh thuộc Trí của Vô ngã có thể thành tự, vậy thì sinh diệt là nghĩa về Thường.

3- Đồng tướng thuộc về giả danh của tất cả pháp, cho nên nói là an lập. Pháp thụ động thiết lập đã là giả danh, lại dùng giả danh để giải thích ngôn từ mà bàn luận, gọi là thuyết giảng không gián đoạn.

4- Đồng tướng thuộc về giả danh của giả danh, nghĩa là không hủy hoại giả danh trước, lại có thể dùng vô biên giả danh khác nhau để thuyết giảng, cho nên nói hai lần giả danh.

Trong môn ba: Tướng của Hành, dựa theo ba đời để phân ra Pháp-Nghĩa.

1- Tướng của Hành sinh khởi bởi vì pháp hiện tại là duyên sinh, giả sử nhận biết về quá khứ-vị lai cũng gọi là hiện tại, bởi vì ba đời đều là ngay nơi đời hiện tại. Vì vậy Luận nói: Quá khứ-vị lai thâm nhiếp tiếp nhận trong những đời ấy (Bỉ bỉ).

2- Tướng của Hành đã sinh-chưa sinh, giả sử nhận biết về hiện tại cũng gọi là quá khứ-vị lai, bởi vì hiện tại là quá khứ ở vị lai, vị lai ở quá khứ, vậy thì ngay nơi đời hiện tại mà nhận biết gọi là Pháp; thấy ngược về quá khứ-vị lai có thể nhận biết hiện tại, vậy thì gọi là Nghĩa, là cảnh thuộc Trí của Bồ-tát.

3- Tướng của Hành thuộc về giả danh nơi Vật, bởi vì tổng quát thuyết giảng không sai lầm về Vật của ba đời.

4- Tướng của Hành thuộc về thuyết giảng nơi Sự, nhưng Sự đã thuyết giảng không ra ngoài ba đời, tổng quát về tướng trong Vật cho nên nói là mỗi một đời, chỉ gộp lại trình bày về pháp thuộc Sự khác nhau, cho nên nói là trình bày về pháp vô biên.

Môn bốn: Tướng của Thuyết giảng, dựa theo căn bản giải thích phân ra Pháp-Nghĩa.

1- Tướng thuộc về Tu-đa-la mà chỉ nêu ra Pháp.

2- Tướng thuộc về giải thích cho nên gọi là Nghĩa.

3- Tướng thuộc về tùy thuận, bởi vì tùy theo chủng loại-ngôn âm.

4- Tướng thuộc về thuyết giảng tương tự, nghĩa là tùy theo tâm ưa nghe pháp gì thích hợp, nói thí dụ gì để tương tự tâm ấy.

Môn năm: Tướng của Trí, dựa theo pháp tương tự để phân ra Pháp-Nghĩa.

1- Trí hiện thấy; 2- Trí so sánh. So sánh tức là tương tự, nhưng cảnh đã nhận biết tức là pháp thuộc hai Đế, Trí so sánh... là Thế vô ngại, thuận theo Thế thiết lập tên gọi không giống với trước-sau. Vả lại, Trí về pháp so sánh... bao gồm Đại-Tiểu, bốn Trí vô ngại chỉ thuộc về Đại thừa, bởi vì kinh Niết Bàn nói: “Chỉ riêng Bồ-tát mới có, Thanh văn nếu có thì cũng ít cho nên gọi là không có.” Nếu dựa vào hai Trí thì pháp thụ động quán sát đều bao gồm Đại-Tiểu, dựa theo Trí chủ động quán sát thì chỉ thuộc về Đại thừa. Ở trong Đại thừa, dựa vào quán sát thụ động chọn lấy-chủ động chọn lấy để thiết lập về pháp tương tự.

1- Trí về Pháp (Pháp trí) quán sát Như, cho nên nói là hiện thấy, nghĩa là quán sát hai Đế sai biệt giống với Như không khác nhau.

2- Trí so sánh (Tỷ trí) tức là quán sát về chủ động quán sát trước đây, là Trí phân biệt như thật. Tương tự còn lại cũng như vậy. Tương tự như thế nào? So sánh nhận biết như trước, mà sai biệt tức là như thật.

3- Trí mong muốn đạt được phương tiện, nghĩa là tướng này thuộc về Kiến đạo, dựa vào Chân-Giả mà nói, Hậu đắc trí thâm nhiếp cho nên nói là Trí thế gian. Nếu mong muốn đạt được Đệ nhất nghĩa thì Giả

thuyết dùng làm phương tiện.

4- Trí đạt được, nghĩa là tuy dùng Trí thế gian để thuyết giảng, mà tương ứng với Đệ nhất nghĩa, không phải là điên đảo sai khác, mới gọi là Lạc thuyết, cho nên nói là thiện xảo, bởi vì có thể chứng được Đệ nhất nghĩa. Còn lại như luận Duy Thức quyển thứ 9, luận Tạp Tập quyển thứ 9, luận Du Già quyển thứ 16 giải thích, sơ giải về phẩm Hồi Hưởng trước đây đã sơ lược trình bày.

Môn sáu: Tướng của không có Ngã mạn, dựa theo Chân-Tục để phân ra Pháp-Nghĩa.

1- Đệ nhất nghĩa đế Vô ngã, cho nên nói là một tướng. Nói là Bất hoại, bởi vì không hủy hoại Vô ngã. Nếu nói Ngã nhận biết Vô ngã, Ngã chứng đắc Vô ngã, thì hủy hoại Vô ngã, bởi vì có chủ động-thụ động.

2- Thế đế Vô ngã, cho nên nói là Uẩn... Mê mờ Uẩn thì tham đắm tích tụ vào Ngã; mê mờ Giới thì tham đắm về nhân khác nhau của Ngã, bởi vì cho rằng chủng tộc sai khác; mê mờ Xứ thì tham đắm về Dục của Ngã, cho là cửa sinh ra (Sinh môn), bởi vì có thể tiếp nhận tiến vào; mê mờ duyên khởi của Đế thì tham đắm về tác dụng của Ngã, đều trình bày về nhân quả, bởi vì có tạo tác, đều là Pháp-Ngã, cũng bao gồm Nhân-Ngã. Nay tùy thuận quán sát về Thế đế là duyên sinh không có thật, dùng làm đối trị mà có thể tiến vào pháp Vô ngã thuộc về Đệ nhất nghĩa, cho nên gọi là phương tiện khéo léo. Uẩn-Giới... là Ngã đã đối trị thuộc Trí về cảnh của Bồ-tát.

3- Thuyết giảng về Vô ngã tuyệt vời, vừa lòng gọi là Mỹ, thuận lý gọi là Diệu.

4- Thuyết giảng về Vô ngã Vô thượng, cho nên nói là càng thêm thù thắng; sai biệt trong Từ cho nên nói là tên gọi của pháp vô biên.

Môn bảy: Tướng của Đại thừa-Tiểu thừa, dựa theo Quyền-Thật phân ra Pháp-Nghĩa.

1- Tướng của Quán sát, nghĩa là cùng một quán sát không khác, bởi vì chỉ một sự thật.

2- Tướng của Tánh, bởi vì dựa vào căn tánh ấy mà có Tam thừa.

3- Tướng của Giải thoát, hội tụ Tam thừa ấy cùng quy về một Thật, bởi vì trong tướng giải thoát không có sai biệt. Luận nói: Dựa vào giải thoát giống nhau không sợ hãi. Kinh Pháp Hoa nói: “Nay Ta vui mừng không có sợ hãi, cho nên chỉ nói về Đạo Vô Thượng.”

4- Tướng của Niệm, tức là mở toang cánh cửa phương tiện, tùy theo căn cơ nghĩ đến khác nhau, tâm hành không giống nhau, dùng nhiều pháp để trình bày thuyết giảng về pháp của các Thừa, nhưng đều

là một sự việc. Vì vậy Luận nói: Tùy thuận giải thoát.

Môn tám: Tướng của Bồ-tát Địa, dựa theo Thể-Tướng của Địa để phân ra Pháp-Nghĩa.

1- Tướng của Trí, tất cả các hạnh của Bồ-tát là tổng quát nêu lên. Thế nào là Hạnh? Nghĩa là Hạnh thuộc Pháp thụ động chứng đắc, Hạnh thuộc Trí chủ động chứng đắc. Vì sao hai loại này gọi là Hạnh của Bồ-tát? Bởi vì Trí hợp với Như. Vì vậy Kinh nói: Trí tùy theo chứng đắc. Luận nói: Trí quán sát mà thuyết giảng. Hạnh của Bồ-tát này tức là Thể của Trí thuộc về Thập Địa.

2- Tướng của Thuyết giảng, nghĩa là Thể tuy cùng một Trí mà Tướng có phần vị của mười Địa, nhưng phần vị này sai biệt do tâm. Luận nói: Mười Địa sai biệt, nghĩa là tâm mà gọi là tướng của Thuyết giảng, là dựa theo miệng nói. Bởi vì Luận về Kinh nói: Nghĩa vô lượng, bởi vì thuyết giảng sai biệt về mười Địa. Đưa ra cách giải thích này, vậy thì khác với Nghĩa Đại trước đây.

3- Tướng trao cho phương tiện, nghĩa là khéo léo thuyết giảng về mười Địa trao cho chúng sinh, chỉ dạy không điên đảo mà trao cho Đạo thuộc về Chứng của Địa, vốn không có gì sai biệt.

4- Tướng tiến vào vô lượng môn, bởi vì tiến vào tướng sai biệt của các Địa.

Môn chín: Tướng của Như Lai Địa, dựa theo Chân-Ứng để phân ra Pháp-Nghĩa.

1- Tướng của Pháp thân, tức là Pháp thân của Thỉ giác-Bổn giác không hai, cho nên nói là một niệm thành tựu Chánh giác.

2- Tướng của Sắc thân, đủ loại thời gian là tùy theo trong kiếp nào, đủ loại nơi chốn là tùy theo sự thuộc Y báo ở quốc độ nào, đều sai biệt là tùy theo sự thuộc Chánh báo của thân Phật như thế nào.

3- Tướng của Chánh giác, tổng quát nói về Chánh giác, bởi vì mười vị Phật sai biệt.

4- Tướng của Thuyết giảng, bởi vì đức của Phật vô tận, thuyết giảng cũng vô tận.

Môn mười: Tướng của tác dụng trú trì, dựa theo Đức chủ động thuyết giảng-Thanh giáo thụ động thuyết giảng của chư Phật, để phân ra Pháp-Nghĩa:

1- Tướng của Giác ngộ, tức là đức có tác dụng trú trì, bởi vì giác ngộ về tướng của pháp tánh. Ngữ là tùy theo ý mình mà nói, tùy theo ý người mà nói, tùy theo ý mình-ý người mà nói, bởi vì đây là pháp chủ động thuyết giảng. Thập lực là phá trừ ma quân kiêu mạn. Vô úy

là điều phục ngoại đạo. Pháp bất cộng là khác với Nhị thừa, bởi vì Từ Bi, bởi vì Biện tài luôn luôn thuyết giảng. Chủ động thuyết giảng về phương tiện, là tùy thuận với căn cơ của chúng sinh. Chuyển pháp luân là chính thức thuyết giảng. Trên đây đều là Trí của Nhất thiết trí tùy theo chứng đắc.

2- Tướng sai biệt, bởi vì nhận biết Thanh giáo sai biệt của Phật tùy theo chủng tánh của tâm...

3- Tướng của Thuyết giảng, bởi vì dùng âm thanh trước đây mà thuyết giảng sai biệt.

4- Tướng vô lượng ấy khác nhau, bởi vì thuyết giảng khác nhau. Tùy theo người tin hiểu, mà Bồ-tát thị hiện Lạc thuyết vô tận. Dùng Trí... của Như Lai, là Pháp thân của chư Phật lấy lợi ích chúng sinh làm Hạnh. Bởi vì Hạnh này hợp với Trí, thanh tịnh không cấu nhiễm, không thể phá hoại, cho nên nói là viên mãn. Địa này đạt được từng phần cho nên dùng điều này mà thuyết giảng.

Trong phần c- Từ “Phật tử, Bồ-tát trú đệ cửu địa...” trở xuống là thành tựu tự tại về phần vị Pháp Sư, có hai: Một- Nhắc lại phần trước nêu lên phần sau; Hai- Từ “Đắc nghĩa...” trở xuống là chính thức hiển bày về thành tựu.

Có bốn loại sự việc: 1- Thành tựu về Trì, bởi vì đạt được không mất; 2- Thành tựu về Thuyết giảng, bởi vì khéo léo có thể thuyết giảng; 3- Thành tựu về hỏi đáp, bởi vì đoạn trừ mạng lưới nghi ngờ; 4- Thành tựu về Thọ trì, bởi vì trải qua tiếp nhận về pháp thù thắng. Ba loại trước là Tự phần, một loại sau là Thắng tiến. Lại một loại trước là giải thích về đạt được Tạng pháp vi diệu, ba loại sau là giải thích về làm Đại Pháp Sư. Đối với bốn loại này đều không có tham đắm ràng buộc, tức là thâm nhiếp Hội Hưởng thứ chín.

Mục 1- Thành tựu về Trì, phân hai: a- Nêu ra mười Trì, duy trì về pháp đã đạt được trước đây; b- Từ “Thử Bồ-tát đắc như thị...” trở xuống là Dụng của mười Trì trước đây, duy trì về pháp đã đạt được.

Mục a: Trước là nêu ra mười Trì, đều từ nghiệp dụng đã khởi lên mà thiết lập tên gọi, ba loại đầu là khởi lên ý nghiệp, ba loại tiếp là khởi lên thân nghiệp, bốn loại sau là khởi lên khẩu nghiệp: 1- Duy trì về Nghĩa; 2- Duy trì về Pháp thuộc Giáo; 3- Duy trì về Trí có thể nhận biết; 4- Người khéo léo mềm mỏng thì dùng ánh sáng của Từ thâm nhiếp tiếp nhận; 5- Người ngang bướng cứng cỏi thì dùng Tuệ khéo léo mà thi thiết đủ loại làm cho phải hàng phục; 6- Trên thì cúng dường chư Phật, dưới thì thâm nhiếp chúng sinh nghèo túng, cho nên gọi là nhiều

tài sản; 7- Chúng sinh hẹp hòi yếu kém ở trong Đại thừa, thì dạy dỗ rõ ràng về lợi ích thù thắng-uy đức thù thắng của Đại thừa, khiến cho sinh lòng hoan hỷ; 8- Biện tài không gián đoạn, bởi vì Trí luôn luôn thuyết giảng; 9- Lạc thuyết không có tận cùng, bởi vì thuyết giảng sâu xa; 10- Lạc thuyết về đủ loại nghĩa, bởi vì thuyết giảng rộng khắp. Sau từ “Như thị...” trở xuống là tổng quát kết luận. Từ “Bách vạn...” trở xuống là hiển bày về Dụng của Trì.

Trong mục b là duy trì về pháp đã đạt được: Nghe rồi không quên, chính là hiển bày về nghĩa của Trì; thuyết giảng cho người khác cũng là Dụng của Trì.

Mục 2- Từ “Thử Bồ-tát sơ kiến...” trở xuống là trình bày thành tựu về Thuyết giảng, trong đó có ba: a- Hiển bày về nhiều pháp đã tiếp nhận; b- Từ “Thử Bồ-tát đặc như thị...” trở xuống là có thể mở rộng thuyết giảng; c- Từ “Thử Bồ-tát xử ư pháp tòa...” trở xuống là trình bày về phát khởi thuyết giảng tự tại.

Mục 3- Từ “Phật tử, thử Bồ-tát giả sử...” trở xuống là thành tựu về hỏi đáp: a- Giải đáp chất vấn về một thế giới; b- Trình bày về tất cả thế giới.

Mục 4- Từ “Phật tử, thử Bồ-tát phục cánh...” trở xuống là thành tựu về Thọ trì, có thể biết.

Phần sau từ “Phật tử, Bồ-tát trú thử...” trở xuống là trình bày về Quả của Địa, ba Quả giống như trước. Nhưng ở quả Điều Nhu, trong duyên được thấy Phật: Trước là dựa vào Nội chứng mà tiếp cận Pháp thân của Phật, sau là dựa vào Tam-muội mà thấy được Sắc thân của Phật. Văn còn lại có thể biết.

Phần ba: Là phần Trùng tụng, có hai mươi bốn kệ phân ba: Mười chín kệ đầu tụng về Hạnh của Địa, bốn kệ tiếp tụng về Quả của Địa, một kệ cuối cùng là kết luận ca ngợi.

Trong mười chín kệ đầu, tụng đầy đủ bốn phần trên: Đầu có hai kệ, tụng phần phương tiện của Pháp Sư; tiếp có hai kệ, tụng phần thành tựu về Trí; tiếp có bảy kệ, tụng phần thành tựu về Hạnh tiến vào; sau có tám kệ, tụng phần thành tựu về Thuyết giảng.

Trong tám kệ sau: Nửa kệ đầu là tụng về thành tựu Trí. Hai kệ tiếp là tụng về thành tựu khẩu nghiệp, trong đó các Dụ ở phần Trường hàng vốn không có. Năm kệ rưỡi sau là tụng về thành tựu tự tại của Pháp Sư, trong đó: Một kệ rưỡi đầu là tụng về Trì, một kệ tiếp là tụng về Thuyết giảng, một kệ tiếp là tụng về hỏi đáp, hai kệ sau là tụng về Thọ trì bao gồm tụng về hỏi đáp.